

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 07/2023/HSST.

Ngày 24/11/2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bàn Trọng Bình và bà Bùi Việt Nga.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hồng Hương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/11/2023 tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 08/2023/HSST ngày 19/10/2023 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2023/QĐXXST- HS ngày 09/11/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm S.** Giới tính: Nam;

Tên gọi khác: **Phạm Đức S; D.**

Sinh ngày 02 tháng 5 năm 1983, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi thường trú: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi tạm trú: Phường H, Thành phố T, Tp Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Phường H, Thành phố T, Tp Hồ Chí Minh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12;

Con ông: Phạm T (sinh năm 1937); con bà Đoàn Thị T (sinh năm 1946, đã chết).

Vợ bị cáo là Hồ Thị T sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có 02 con, con lớn nhất 15 tuổi, con nhỏ nhất 9 tuổi.

Tiền án và nhân thân: Ngày 20/02/2012 bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, tại bản án hình sự phúc thẩm số 119/HSPT ngày 11/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, ngày 30/12/2014 chấp hành xong hình phạt; Ngày 14/11/2015 bị cáo phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tại bản án hình sự phúc thẩm số 13/HSPT ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử

phạt bị cáo 05 năm tù, ngày 21/8/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt; Ngày 16/5/2022 bị cáo Phạm S lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Ngoài ra ngày 24/5/2023 bị cáo Phạm S còn đang bị Cơ quan CSĐT Công an Thành phố T- Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố điều tra về hành vi chống người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/7/2023 đến nay (có mặt).

+ *Bị hại:*

- Bà **Nguyễn Thị Kim T**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

+ *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Nguyễn Thanh B**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: phường L, Thành phố T, Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Ông **Nguyễn Quang P** – sinh năm 1984.

Địa chỉ: Phường Q, T, tỉnh Kon Tum (vắng mặt).

- Anh **Hoàng Văn T** – sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai (vắng mặt).

- Anh **Nguyễn Văn H** – sinh năm 1994.

Địa chỉ: P. Minh Hưng, Thị xã. C, tỉnh Bình Phước (vắng mặt).

- Chị **Lê Thị H** – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị T** – sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông **Cao Ngọc P** – sinh năm 1979.

Địa chỉ: Phường T, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông **Trần Quang T** – sinh năm 1987.

Địa chỉ: Phường Đ, Thị xã B, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ *Người làm chứng:*

- Ông **Huỳnh Đức T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 16/5/2022 Phạm S, sinh năm 1983, trú tại Thôn 2A, xã E, huyện C đi xe Taxi đến nhà ông Huỳnh Đức T, trú tại Thôn A, xã E, huyện E để lấy quần áo. Khi đến nơi thì nhà ông T đã đóng cửa đi ngủ. Lúc này, S đi đến đứng

trước cửa nhà bà Nguyễn Thị Kim T, bên cạnh nhà ông T thì thấy trong nhà vẫn còn sáng điện và cửa hông bên trái đang mở (vị trí cửa hông giáp với nhà anh N). Quan sát thấy không có người, S đi đến rồi đẩy cửa bước vào bên trong phòng ngủ của bà T. Tại đây, S tìm thấy một con heo đất dùng để cất tiền tiết kiệm ở trên tủ bàn trang điểm, S cầm con heo đất đi lại giường ngủ và đặt xuống nệm rồi dùng tay đập vào thành giường, khi con heo đất bị vỡ ra thì bên trong có 04 (bốn) tờ tiền Việt Nam, gồm 03 (ba) tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng (*Hai mươi ngàn đồng*), 01 (một) tờ có mệnh giá là 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*), S lấy tiền cất đi rồi lại lục tìm tài sản để lấy thì tìm được 01 con heo đất màu vàng, to hơn con lúc trước nằm ở phía dưới học tủ bàn trang điểm, S cầm con heo đất để trên nệm giường ngủ, rồi dùng tay đập vào cho vỡ ra thì nhìn thấy bên trong có 02 (hai) tờ tiền Việt Nam mệnh giá là 500.000 đồng (*Năm trăm ngàn đồng*), 03 (ba) tờ tiền có mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*), 01 (một) tờ tiền có mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm ngàn đồng*) và 02 (hai) tờ tiền có mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi ngàn đồng*). Sau khi lấy được số tiền 1.910.000 đồng (*Một triệu chín trăm mười nghìn đồng*) từ trong hai con heo đất, S đi lên phòng khách thì thấy có một chiếc xe mô tô, loại xe tay ga nhãn hiệu HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96, S nhìn thấy chìa khóa xe vẫn đang treo ở tay lái, xe chưa tắt khóa điện, thấy không có ai S đi đến mở cửa chính nhà bà T, rồi quay lại dắt xe đi ra bên ngoài sân, S mở yên xe ra thì thấy trong cốp xe có các loại giấy tờ, gồm: 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 47P1 – 238.96; 01 giấy phép lái xe; 01 chứng minh nhân dân đều mang tên bà Nguyễn Thị Kim T, S lấy các giấy tờ này cầm theo, rồi dắt xe đi ra khỏi sân nhà bà T, nổ máy xe rồi điều khiển chiếc xe mô tô biển số 47P1 – 238.96 lấy trộm được của bà T đi theo đường Tỉnh lộ 1 đến TP BMT ra đường Quốc lộ 14C đi vào Thành phố Hồ Chí Minh. Sang đêm chiếc xe mô tô trên đến cửa hàng xe máy Thanh B (do ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1975 là chủ cửa hàng), trú tại Thành phố T để bán lại với giá là 39.000.000 đồng (*Ba mươi chín triệu đồng*). Khi bán chiếc xe trên cho ông B, S nói đây là xe của vợ S, do nợ nần, hai vợ chồng cãi nhau nên S mang xe đi bán để trả nợ và đưa toàn bộ giấy tờ có liên quan đến chiếc xe mô tô, biển số 47P1 - 238.96 cho ông B, cũng tại cửa hàng xe máy Thanh B, S lấy ra 14.000.000 đồng (*Mười bốn triệu đồng*) trong số tiền S bán chiếc xe mô tô biển số 47P1 - 238.96 để mua lại một chiếc xe mô tô cũ, biển số là 59X1-580.89, chiếc xe này sau đó S cũng đã bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo không nhớ người mua là ai.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47P1 - 238.96, được ông B bán lại cho ông Nguyễn Quang P, sinh năm 1974 (là chủ cửa hàng xe máy Quang P) phường Q, Thành phố T, tỉnh Kon Tum với giá là 47.000.000 đồng (*Bốn mươi bảy triệu đồng*). Sau đó ông P bán chiếc xe trên cho anh Hoàng Văn T (chủ cửa hàng xe máy T) sinh năm

1991, trú tại Thôn D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai với giá là 49.000.000 đồng (*Bốn mươi chín triệu đồng*). Tiếp đó, anh T bán lại cho anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1994, trú tại xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước với giá là 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*). Anh H tiếp tục bán lại cho chị Lê Thị H (chủ cửa hàng xe máy M) sinh năm 1990, trú tại Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với giá là 51.300.000 đồng (*Năm mươi một triệu, ba trăm nghìn đồng*) và chị H đã bán lại cho bà Nguyễn Thị T, trú tại xã E, huyện K với giá là 62.500.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng*).

Những người mua lại chiếc xe mô tô trên đều không biết đây là xe do Phạm S trộm cắp. Sau đó, để sang tên cho bà Nguyễn Thị T, thì chị Lê Thị H làm hợp đồng mua bán và nhờ người ký tên người bán và người mua vào trong hợp đồng mua bán đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 và nhờ ông Cao Ngọc P, trú tại phường T, thị xã B mang hợp đồng mua bán chiếc xe trên đi công chứng. P đến UBND phường A, thị xã B để chứng thực, tại UBND phường A, ông Cao Ngọc P đưa hợp đồng cho ông Trần Quang T, nguyên là công chức tư pháp tạm tuyển, để làm các thủ tục chứng thực việc mua bán. Mặc dù tại thời điểm chứng thực không có mặt của bên mua và bên bán theo như quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao chứng từ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng. Nhưng ông Trần Quang T vẫn ký xác nhận chữ ký và trình hợp đồng và lời chứng thực để ông Nguyễn Thanh L, nguyên là Phó chủ tịch UBND phường A, thị xã B chứng thực vào hợp đồng mua bán đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96, do bà Nguyễn Thị Kim T là chủ sở hữu.

Sau khi hoàn tất các thủ tục, thì hồ sơ mua bán và các giấy tờ có liên quan được chị Lê Thị H chuyển đến Công an xã E, huyện K để làm các thủ tục sang tên cho bà Nguyễn Thị T. Tại thời điểm, Cơ quan CSĐT Công an huyện E, tỉnh Đắk Lắk tạm giữ đối với chiếc xe mô tô trên, thì tên chủ sở hữu trong giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 mang tên Nguyễn Thị T.

Kết luận định giá tài sản số 14 ngày 16/05/2023 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện E xác định chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 có giá trị là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*).

Ngày 29/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện E tiến hành giám định số khung, số máy chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96. Kết quả : Kết luận Giám định số 1069/KL-KTHS, ngày 05/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định: Số khung, số máy của chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 không thay đổi.

Ngày 29/8/2023, Tiến hành giám định chữ ký trên hợp đồng mua bán xe máy ngày 28/6/2022. Kết quả: Kết luận Giám định số 1071/KL-KTHS, ngày 15/9/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Kim T trong hợp đồng mua bán xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 chứng thực ngày 28/6/2022 không phải do cùng một người ký và viết ra.

- Về vật chứng đã tạm giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ea Súp đã tạm giữ : 01 (Một) chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96, xe đã cũ, đã qua sử dụng; 01 vật bằng đất nung màu vàng (hình dạng con heo dùng để bỏ tiền tiết kiệm) đã bị vỡ; 01 chiếc thang bằng gỗ (đã cũ, đã qua sử dụng).

- Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi vụ án xảy ra bị hại bà Nguyễn Thị Kim T có yêu cầu bị cáo Phạm S phải trả lại chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238 và số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) mà bà Nguyễn Thị Kim T khai tại Cơ quan Điều tra là đã bị mất (tiền đựng trong heo đất mà bị cáo S trộm cắp). Tuy nhiên ngày 17/11/2023 bà T có đơn thay đổi không yêu cầu bồi thường số tiền bị mất mà chỉ yêu cầu được nhận lại chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Nguyễn Thanh B, bà Nguyễn Thị T, chị Lê Thị H, ông Nguyễn Quang P, anh Hoàng Văn T và anh Nguyễn Văn H đều có đơn xin xét xử vắng mặt và không có ý kiến yêu cầu gì về vấn đề dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 39/CT-VKS ngày 18/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo Phạm S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm S khai nhận toàn bộ hành vi do bị cáo thực hiện phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện E và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa bị hại bà Nguyễn Thị Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được nhận lại chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238, ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, đánh giá, phân tích tính chất vụ án, những chứng cứ xác định hành vi phạm tội, về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự về nhân thân của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm S phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm S từ 04 (bốn) năm tù đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/7/2023.

Về các biện pháp tư pháp:

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 01 (Một) chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96, xe đã cũ, đã qua sử dụng là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy 01 vật bằng đất nung màu vàng (hình dạng con heo dùng để bỏ tiền tiết kiệm) đã bị vỡ; 01 chiếc thang bằng gỗ (đã cũ, đã qua sử dụng) do không còn giá trị sử dụng.

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và không yêu cầu gì nên không đề cập.

- Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1- 238.96 để cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Nguyễn Thị Kim T đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1- 238.96 theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại không tranh luận; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, của Viện kiểm sát nhân dân huyện E và hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, trong quá trình điều tra bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng như tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ xác định:

Vào tối ngày 16/5/2022, bị cáo Phạm S đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1986, trú tại Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, gồm: Số tiền 1.910.000 đồng (*Một triệu chín trăm mười nghìn đồng*) và 01 chiếc

xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 có giá trị là 32.000.000 đồng (*Ba mươi hai triệu đồng*). Tổng trị giá tài sản trộm cắp là: 33.910.000đ (*ba mươi ba triệu chín trăm mười nghìn đồng*).

Đồng thời bị cáo còn có các tiền án như sau: Ngày 20/02/2012 bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, tại bản án hình sự phúc thẩm số 119/HSPT ngày 11/4/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù, ngày 30/12/2014 chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích thì ngày 14/11/2015 bị cáo lại phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tại bản án hình sự phúc thẩm số 13/HSPT ngày 11/01/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt bị cáo 05 năm tù (thuộc trường hợp tái phạm), ngày 21/8/2020 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích; Ngày 16/5/2022 bị cáo Phạm S lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, do đó lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Phạm S đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự theo như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện E truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

.....

g) Tái phạm nguy hiểm

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi "Trộm cắp tài sản" là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra ngày 24/5/2023 bị cáo Phạm S đang còn bị Cơ quan CSĐT Công an Thành phố T - Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố điều tra về hành vi chống người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 330 Bộ luật Hình sự.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cần

cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

- *Về nhân thân*: Bị cáo Phạm S có nhân thân xấu, bị cáo đã nhiều lần bị Tòa án đưa ra xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng bị cáo không tu dưỡng bản thân, sau khi chấp hành xong bản án chỉ trong một khoảng thời gian ngắn chưa được xóa án tích bị cáo lại tiếp tục phạm tội; hiện nay bị cáo đang bị Cơ quan CSĐT Công an Thành phố T - Thành phố Hồ Chí Minh khởi tố điều tra về hành vi chống người thi hành công vụ theo quy định tại khoản 1, Điều 330 Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về biện pháp tư pháp:

+ Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 01 (Một) chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96, xe đã cũ, đã qua sử dụng là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy hình vuông, kích thước 20 x 30 bên trong chứa vật bằng đất nung màu vàng đã bị vỡ; 01 chiếc thang bằng gỗ (đã qua sử dụng) do không còn giá trị sử dụng (vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện E và Chi cục thi hành án dân sự huyện E ngày 09/11/2023).

+ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và không yêu cầu gì nên HĐXX không đề cập.

[6] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Đối với chiếc xe mô tô biển số 59X1-580.89 do Phạm S dùng số tiền từ việc bán chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 lấy trộm được của bà Nguyễn Thị Kim T để mua, chiếc xe này đã được bị cáo bán cho một người tại tỉnh Đồng Tháp (không xác định nhân thân lai lịch), do đó cơ quan CSĐT Công an huyện E không thu giữ được chiếc xe trên.

[8] Đối với hành vi có dấu hiệu lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ của ông Nguyễn Thanh L (nguyên Phó chủ tịch UBND phường A, thị xã B) và ông Trần Quang T (nguyên là công chức tư pháp UBND phường A, thị xã B), qua điều tra xác định: Hành vi của ông L và ông T xảy ra tại bàn thị xã B. Do đó, căn

cứ Điều 11, Thông tư số 28/2020/TT-BCA, ngày 26/3/2023 của Bộ Công an, quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Lực lượng Công an nhân dân, Cơ quan CSĐT Công an huyện E đã chuyển nguồn tin trên đến Cơ quan CSĐT Công an thị xã B để xác minh, xử lý theo quy định.

[9] Đối với hành vi mua, bán chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 do ông Nguyễn Thanh B; Nguyễn Quang P; Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H thì họ không biết chiếc xe trên là do Phạm S trộm cắp mà có, do đó không có căn cứ để xử lý với những người trên.

[10] Đối với hành vi nhờ người khác giả mạo chữ ký của bà Nguyễn Thị Kim T trong hợp đồng mua bán xe mô tô 47P1-238.96 do bà Lê Thị H thực hiện; Theo điểm a, khoản 3, Điều 12, Mục 3, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, ngày 15/7/2020 của Chính phủ, quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bộ trợ tư pháp; Hành chính tư pháp; Hôn nhân và gia đình; Thi hành án dân sự; Phá sản doanh nghiệp, Hợp tác xã, quy định: Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau *“Giả mạo, thuê hoặc nhờ người khác giả mạo người yêu cầu công chứng; giả mạo, thuê hoặc nhờ người khác giả mạo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến hợp đồng, giao dịch để công chứng hợp đồng, giao dịch; giả mạo chữ ký của người yêu cầu công chứng”*. Do đó, căn cứ khoản 10 Điều 82 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, ngày 15/7/2020 đề nghị Cơ quan Điều tra công an huyện E chuyển hồ sơ vi phạm hành chính của bà Lê Thị H đến Cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

[11] Đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96 hiện nay đã được sang tên cho bà Nguyễn Thị T, trú tại xã E, huyện K. Đây là chiếc xe do Phạm S trộm cắp; bà Nguyễn Thị Kim T là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe mô tô trên. Việc sang tên cho bà Lê Thị T là trái so với quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 58 Thông tư 58/2020/TT-BCA quy định cần công chứng hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn đối với chữ ký của người bán, cho, tặng xe. Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định, chữ ký tên, chữ viết trong hợp đồng mua bán xe mô tô biển số 47P1-238.96 không phải của bà Lê Thị Kim T. Việc xác nhận chữ ký, chứng thực hợp đồng mua bán do UBND phường A, thị xã B chứng thực ngày 28/6/2022 là vi phạm quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao chứng từ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng. Do đó cần phải kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1- 238.96 để cấp lại giấy chứng nhận đăng ký

xe cho bà Nguyễn Thị Kim T đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1-238.96 là chủ sở hữu hợp pháp theo như đề nghị của Đại diện Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Phạm S** (tên gọi khác **Phạm Đức S; D**) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1/ Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Phạm S** 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 22/7/2023.

2/ Về các biện pháp tư pháp:

+ *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điểm a, c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim T 01 (Một) chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1 – 238.96, xe đã qua sử dụng là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu tiêu hủy 01 hộp giấy hình vuông, kích thước 20 x 30 bên trong chứa vật bằng đất nung màu vàng đã bị vỡ; 01 chiếc thang bằng gỗ (đã qua sử dụng) do không còn giá trị sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện E và Chi cục thi hành án dân sự huyện E ngày 09/11/2023).

+ *Về trách nhiệm dân sự*: Bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đề cập.

3/ Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị T đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1- 238.96 để cấp lại giấy chứng nhận đăng ký xe cho bà Nguyễn Thị Kim T đối với chiếc xe mô tô HONDA SH Mode, biển số 47P1- 238.96 theo quy định của pháp luật.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm S phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Báo cho bị cáo, bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan THA hình sự
Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Bùi Xuân Sơn